**TUẦN 11**

**Thời gian thực hiện**: **Thứ Hai** **ngày 14/11/2022**

Toán:  PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 6 (tiết 1)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Biết cách tìm kết quả một phép trừ trong phạm vi 6.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép trừ trong phạm vi 6 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển các NL toán học.

**\* Dạy HS khuyết tật: - Biết cách tìm kết quả một phép trừ trong phạm vi 6**

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Các que tính, các chấm tròn.

- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép trừ trong phạm vi 6.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TG** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **HĐBT** |
|  | 1. Hoạt động khởi động  + Có 4 cái bánh. An ăn 1 cái bánh. Còn lại bao nhiêu cái bánh?  - Đếm rồi nói: Còn 3 cái bánh.  + Ngồi quanh bàn có 5 bạn, 2 bạn đã rời khỏi bàn. Còn lại bao nhiêu bạn?  - Đếm rồi nói: Còn lại 3 bạn đang ngồi quanh bàn.  - Làm tương tự với tình huống: Có 5 cốc nước cam. Đã uống hết 3 cốc. Còn lại 2 cốc chưa uống.  2. Hoạt động cơ bản  \* Hoạt động 1: Giới thiệu bài  \* Hoạt động 2: Hình thành kiến thức  1.GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các thao tác sau:  - Để biết còn lại bao nhiêu con chim (hay chấm tròn) ta thực hiện phép trừ 6 - 4.  2. Cho HS thực hiện tương tự với tình huống “cốc nước cam” và nói kết quả phép trừ 5 - 3 = 2.  3.GV lưu ý hướng dẫn HS sử dụng mẫu câu khi nói: *Có... Bay đi... (hoặc đã uống hết) Còn...*  4.Củng cố kiến thức mới:  - GV nêu một sổ tình huống khác. HS đặt phép trừ tương ứng. GV hướng dẫn HS tìm kết quả phép trừ theo cách vừa học rồi gài kết quà vào thanh gài.  - Cho HS tự nêu tình huống tương tự rồi đố nhau đưa ra phép trà (làm theo nhóm bàn).  ***Lưu ý:*** Ngoài việc dùng các chấm tròn, HS có thể dùng ngón tay, que tính hoặc đồ vật khác để hổ trợ các em tính ra kết quả. Tuỳ theo đối tượng HS và điều kiện thực tế, GV có thể khuyến khích HS suy nghĩ, chẳng hạn: Để tìm kết quả phép tính, không dùng các chấm tròn mà hãy tưởng tượng trong đầu để tìm kết quả  3. Hoạt động thực hành, luyện tập  Bài 1  - Cho HS làm bài 1: Tìm kết quả các phép trừ nêu trong bài (HS cỏ thể dùng các chấm tròn và thao tác đếm lùi để tìm kết quả phép tính).  4. Hoạt động củng cố và nối tiếp  - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  - Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 6 để hôm sau chia sẻ với các bạn. | - HS thực hiện lần lượt các hoạt động (theo cặp hoặc nhóm bàn):  - Quan sát bức tranh trong SGK. Nói với bạn về những điều quan sát được từ bức tranh liên quan đến phép trừ. Chẳng hạn:  - Chia sẻ trước lớp: đại diện một số bàn, đứng tại chỗ hoặc lên bảng, thay nhau nói một tình huống có phép trừ mà mình quan sát được.  - HS *quan sát* tranh vẽ “chim bay” trong khung kiến thức.  - HS nói: Có 6 con chim  - Có 4 con bay đi  - Lấy ra 6 chấm tròn.  - Lấy đi 4 chấm tròn.  HS nói: 6 - 4 = 2.  - HS đặt phép trừ tương ứng.  - HS thực hiện  - Đổi vở, đặt và trả lời câu hỏi để kiểm tra các phép tính đã thực hiện. Chia sẻ trước lớp.  - HS trả lời | \* Dạy HS khuyết tật: - Biết cách tìm kết quả một phép trừ trong phạm vi 6 |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**: Không có điều chỉnh........................................

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Thời gian thực hiện**: **Thứ Hai** **ngày 14/11/2022**

**Tiếng Việt: um, up (2 tiết)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết các vần **um, up;** đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **um, up.**

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **um,** vần **up.**

- Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Bà và Hà.*

- Viết đúng các vần **um, up** và các tiếng **chum, búp** (bê) (trên bảng con).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:** 4 thẻ viết từ ngữ ở BT đọc hiểu.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TG** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **HĐBT** |
|  | **1. Hoạt động khởi động**  Ổn định – Hát  2. Hoạt động cơ bản  \* Hoạt động 1: Giới thiệu bài  Hôm nay các em học vần **um,** vần **up**  **\* Hoạt động 2: Chia sẻ và khám phá**  a) Dạy vần **um**  - HS đọc từng chữ **u, m,** vần **um.**  - Phân tích vần **um.**  - Đánh vần: **u - mờ - um / um.**  - HS nói: chum.  - Phân tích tiếng **chum.**  - Đánh vần: **chờ - um - chum / chum.**  - Đánh vần, đọc trơn lại: **u - mờ - um / chờ - um - chum / chum.**  b) Dạy vần **up** (như vần **um)**  - Đánh vần, đọc trơn: **u - pờ - up / bờ - up - bup - sắc - búp / búp bê.**  \* Củng cố: HS nói 2 vần mới học: **um, up,** 2 tiếng mới học: **chum, búp.**  **3.Hoạt động luyện tập**  **\* Hoạt động 1: Mở rộng vốn từ** (BT 2: Tiếng nào có vần **um?** Tiếng nào có vần **up?)**  - HS (cá nhân, cả lớp) đọc từng từ ngữ dưới hình: *chùm nho, cúp, tôm hùm,...*  - GV giải nghĩa: *cúp* (đồ mĩ nghệ, dùng làm giải thưởng trong thi đấu thế thao); *mũm mĩm* (béo và tròn trĩnh, trông thích mắt).  - HS tìm tiếng có vần **um,** vần **up,** nói kết quả.  - GV chỉ từng từ , Cả lớp: Tiếng **chùm** (nho) có vần **um.** Tiếng **cúp** có vần **up,...**  - HS nói thêm 3-4 tiếng ngoài bài có vần **um** (chụm, cúm, khum, trùm, xúm,...); vần **up** (chụp, đúp, húp, núp,...).  **\* Hoạt động 2: Tập viết** (bảng con - BT 4)  a) Cả lớp nhìn bảng đọc các vần, tiếng: **um, up, chum, búp bê.**  b)Viết vần: **um, up**  - GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn. Chú ý chiều cao các con chữ (2 li), nối nét giữa **u** và **m. /** Làm tương tự với van **up (p** cao 4 li).  - HS viết: **um, up** (2 lần)  - Viết: **chum, búp** (bê) (tương tự như b)  - GV viết mẫu, hướng dẫn: Viết **ch** trước **(h** cao 5 li), vần **um** sau. / Viết chữ **b** (cao 5 li), vần up sau, dấu sắc đặt trên u.  - GV cùng HS nhận xét  **\* Hoạt động 3: Tập đọc** (BT 3)  a) GV giới thiệu bài *Bà và Hà* kể về bạn Hà chăm chỉ giúp bà làm nhiều việc.  b) GV đọc mẫu. Sau đó, hỏi: *Bà nói: “Hà của bà ngộ quá! Em hiểu “ngộ quá ” là thế nào?*  c) Luyện đọc từ ngữ:  **-** GV giải nghĩa: *tủm tỉm* (cười không mở miệng, chỉ cử động đôi môi một cách kín đáo).  d) Luyện đọc câu:  - Bài có 6 câu.  - GV chỉ từng câu cho HS đọc vỡ.  - Đọc tiếp nối từng câu (cá nhân / từng cặp).  - HS tìm, đọc tiếng trong bài có vần **um:** *um tùm, tủm* (tỉm); **up:** *giúp, búp* (bê).  e) Thi đọc tiếp nối 2 đoạn (mỗi đoạn 3 câu); thi đọc cả bài. (Quy trình đã hướng dẫn).  g) Tìm hiểu bài đọc  - GV nêu YC; chỉ từng từ ngữ cho cả lớp đọc.  - HS làm bài trên VBT. /1 HS nói kết quả (GV giúp HS ghép từ ngữ trên bảng lớp). / Cả lớp đọc lại: a - 2) *Hà chăm chỉ giúp bà. /* b - 1) *Bà ngắm Hà, tủm tỉm.*  - *Những việc làm nào của Hà cho thấy Hà rất chăm chỉ?*  - *Qua bài đọc, em thấy bạn Hà có đức tính gì đáng quý?*    **4. Hoạt động củng cố và nối tiếp:**  - GV nhận xét đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương, học sinh  - Dặn về nhà làm BT  - Tập viết trên bảng con | - HS lắng nghe  - HS đọc  - HS phân tích  - HS đánh vần  - HS nói  - HS phân tích  - HS đánh vần  - HS đánh vần, đọc trơn  - HS thực hiện  - HS đọc  - HS lắng nghe  - HS đọc  - HS tìm, nêu kết quả  - HS đọc  - HS nêu  - HS đọc  - HS lắng nghe  - HS viết ở bảng con  - HS viết: **chum, búp** (bê).  - HS lắng nghe  - Nom Hà rất hay, ngộ nghĩnh và đáng yêu.  - Hs luyện đọc **chăm chỉ, giúp, xếp đồ, um tùm, chữa mũ, búp bê, ngắm, chăm chú, tủm tỉm, ngộ quá**  **-** Hs thực hiện  **-** Hs thực hiện  **-** Hs thực hiện  **-** Hs thực hiện  **-** Hs thực hiện  **-** Hs thực hiện  - Hà giúp bà xếp đồ ở tủ, nhổ đám cỏ um tùm ở ngõ, giúp bà xâu kim.  - Hà chăm chỉ, ngoan ngoãn giúp bà làm nhiều việc trong nhà để bà đỡ vất vả. |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**: Không có điều chỉnh........................................

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Thời gian thực hiện**: **Thứ Hai** **ngày 14/11/2022**

- **ÔN TẬP BÀI HÁT: LUNG LINH NGÔI SAO NHỎ**

**- NHẠC CỤ**

**- TRẢI NGHIỆM VÀ KHÁM PHÁ: NỐI THEO TIẾT TẤU RIÊNG CỦA MÌNH**

**I. Mục tiêu :**

- Hát đúng cao độ bài hát *Lung linh ngôi sao nhỏ.*

- Biết vận động phụ họa bài hát.

- Biết nhận biết về cao độ, trường độ, cường độ thông qua trải nghiệm và khám phá.

- Biết nói theo tiết tấu riêng của mình.

**II. Chuẩn bị :**

- GV : Nhạc cụ đàn,song loan,trống con….

Tranh ảnh và nhạc nền

- HS: Sách học,thanh phách.

**III. Các hoạt động dạy học chủ yếu :**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TG** | **HOẠT ĐỘNG GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG HỌC SINH** | **HĐBT** |
| **13’**  **13’**  **9’** | **Nội dung 1: Ôn tập bài hát lung linh ngôi sao nhỏ**  - GV cho học sinh hát nghe lại bài hát kết hợp vỗ tay nhịp nhàng.  - GV làm mẫu cho HS quan sát  + *Bầu trời cao cao lấp lánh sao*.  *Những ánh sao lung linh đêm hè:* Hai bàn tay xòe sau lưng, nghiêng người sang hai bên  + *Tiếng gió vi vu nghe xa vời :* Xòe tay phải bên cạnh tai phải, nghiêng người sang hai bên  *+Tiếng sáo ngân nga bên kia đồi :* Xòe tay trái bên cạnh tai trái, nghiêng người sang hai bên  + *Bầu trời cao cao lấp lánh sao :* Hai bàn tay xòe ra phía trước theo vòng tròn, ngược chiều nhau.  *+Những ánh sao lung linh đêm hè : Hai tay xòe ra phí trước, rung hai bàn tay.*  - GV cho HS tập trình bày theo hình thức đơn ca,song ca và tốp ca.  - GV mời một vài nhóm lên trình bày và nhận xét tuyên dương  **Nội dung 2: Nhạc cụ**  a/ **Cách chơi trai-en-gô**  - GV làm mẫu sau đó hướng dẫn HS tập cách chơi trai-en-gô đúng cách  - Tay cầm vào sợi dây sao cho trai-en-go ko xoay và bất cứ chỗ nào trên nhạc cụ để tao ra tiếng thanh và chính xác.  - GV cho học sinh thực hịên gỏ đệm 2 lần  - GV cho 1 học sinh trình bày.  - GV cho học sinh luyện tập theo hình thứ : Cá nhân và cả nhóm  b/ **Thể hiện tiết tấu**  - GV làm mẫu tiết tấu bằng nhạc cụ trai-en-go kết hợp đếm 1-2-3-4-5 và yêu cầu HS luyện tập theo hướng dẫn.  - Cho HS hát kết hợp gõ đệm  c/ **Ứng dụng đệm cho bài hát**: *Lung linh ngôi sao nhỏ*  - GV cho HS vừa gõ đệm, vừa hát cả bài “ Lung linh ngôi sao nhỏ kết hợp với gõ trai-en-go.  - GV cho HS luyện tập hoặc trình bày theo hình thức cá nhân, theo cặp hoặc nhóm  - GV có thể cho nhóm A hát và nhóm B gõ trai-en-go và ngược lại.  - GV nhận xét và động viên học sinh  **Nội dung 3: Trải nghiệm và khám phá: Nối theo tiết tấu riêng của mình**  **-** GV vỗ tay và nói câu Chúng em yêu hòa bình theo tiết tấu khác nhau  - GV hướng dẫn HS chơi trò chơi: Từng cặp HS oẳn tù tì, bạn nào thắng làm trước, bạn thua phải làm cho đúng.  - GV cho thực hiện theo nhóm: Cá nhân và cả nhóm.  - GV nhận xét và tuyên dương khen ngợi các em có ý thức học tập tốt  **-** GV chốt lại mục tiêu của bài học  - Khen ngợi các em có ý thức hát và chơi gõ tiết tấu theo cặp chính xác, đặc biệt là những HS có tinh thần xung phong | - HS thực hiện  - HS quan sát và thực hiện  - HS thực hiện  - HS nghe  - HS nghe  - HS chú ý nghe  - HS thực hiện  - HS thực hiện  - HS thực hiện  - HS nghe và thực hiện  - HS thực hiện  - HS thực hiện  - HS thực hiện  - HS thực hiện  - HS nghe  - HS thực hiện  - HS thực hiện  - HS thực hiện  -HS nghe |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**: Không có điều chỉnh........................................

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**CHỦ ĐỀ 4: SÁNG TẠO VỚI, CHẤM, NÉT, MÀU SẮC**

**Thời lượng: 2 tiết**

**BÀI 5: BÀN TAY KÌ DIỆU (Tiết 1)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Phẩm chất**

Bài học góp phần bồi dưỡng đức tính chăm chỉ, ý thức giữ gìn vệ sinh lớp học, tôn trọng sản phẩm mĩ thuật ở HS. Cụ thể một số biểu hiện chủ yếu sau:

- Chuẩn bị đồ dùng, dụng cụ học tập.

- Biết giữ vệ sinh lớp học như nhặt giấy vụn vào thùng rác, không để hồ dán dính trên

bàn, ghế,...

- Biết bảo quản sản phẩm của mình, tôn trọng sản phẩm do bạn bè và người khác tạo ra.

**2. Năng lực**

Bài học góp phần hình thành, phát triển ở HS các năng lực sau:

*2.1. Năng lực mĩ thuật*

- Nhận biết được hình dáng, đặc điểm của bàn tay.

- Biết vận dụng các thể dáng khác nhau của bàn tay để tạo sản phẩm theo ý thích; bước đầu biết thể hiện tính ứng dụng của sản phẩm như làm đồ chơi, đồ trang trí.

- Biết trưng bày, giới thiệu, nhận xét và chia sẻ cảm nhận về sản phẩm của mình, của bạn.

*2.2. Năng lực chung*

- Năng lực tự chủ và tự học: Tự giác chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để học tập; chủ động tạo thế dáng bàn tay để thực hành.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết cùng bạn trao đổi, thảo luận và trưng bày, nhận xét sản phẩm.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết sử dụng công cụ, họa phẩm để thực hành tạo nên sản phẩm.

*2.3. Năng lực đặc thù khác*

- Năng lực ngôn ngữ: Biết trao đổi, thảo luận với bạn, với thầy cô trong học tập.

- Năng lực thể chất: Thông qua sự vận động của bàn tay để tạo thế dáng và thực hành tạo sản phẩm.

**II. CHUẨN BỊ**

**1.Giáo viên**: SGK Mĩ thuật 1, Vở Thực hành Mĩ thuật 1; Giấy màu, kéo, bút chì, hình ảnh minh họa nội dung bài học. Máy tính, máy chiếu hoặc ti vi (nếu có).

**1.Học sinh:** SGK Mĩ thuật 1, Vở Thực hành Mĩ thuật 1; Giấy màu, màu vẽ, bút chì, tẩy, hồ dán, kéo.

**III. PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**1. Phương pháp dạy học:** Trực quan, quan sát, gợi mở, trò chơi, thực hành, thảo luận, giải quyết vấn đề, liên hệ thực tế.

**2. Kĩ thuật dạy học:** Đặt câu hỏi, động não, bể cá.

**3. Hình thức tổ chức dạy học:** Làm việc cá nhân, làm việc nhóm

**IV. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Hoạt động dạy của giáo viên** | **Hoạt động học của học sinh** | **HĐBT** |
|  | **Hoạt động 1: Ổn định lớp**  - Tổ chức học sinh hát, kiểm tra sự chuẩn bị đồ dùng, vật liệu của học sinh.  - Cho HS kể một số công việc hằng ngày cần thực hiện bằng bàn tay.  - GV chốt ý từ đó liên hệ giới thiệu nội dung bài học  **Hoạt động 2: Quan sát, nhận biết**  Tổ chức học sinh quan sát hình ảnh minh họa mục Quan sát, nhận biết ở trang 28, 29 SGK  - Hướng dẫn HS quan sát hình ảnh SGK và thảo luận  + Nêu được tên con vật.  + Mô tả và thực hiện cách tạo hình bàn tay để biểu đạt con vật (hình dạng hoặc một phần của con vật).  - Gọi đại diện các nhóm HS trình bày. Gợi mở, hướng dẫn HS tạo hình bàn tay ở các thế dáng khác nhau như: nằm ngang, thẳng đứng, nghiêng,...Có thể dùng tay xoay trên không hoặc đặt trên bàn.  - *Lưu ý:* GV có thể sử dụng đèn pin để tạo bóng của bàn tay.  - Tổng kết nội dung quan sát, nhận biết; gợi mở nội dung thực hành sáng tạo.  **Hoạt động 3: Thực hành, sáng tạo**  3.1. Tìm hiểu cách tạo hình từ bàn tay  - Hướng dẫn HS quan sát hình minh họa trang 29, 30 SGK và hình ảnh minh hoa do GV chuẩn bị. Đặt câu hỏi, nêu vấn đề giúp HS nhận ra thứ tự các bước tạo hình một số con vật từ bàn tay.  - GV thị phạm minh họa, giảng giải và phân tích các thao tác, kết hợp tương tác với HS.  + Tạo hình con ốc sên:  Bước 1: Tạo thế dáng bàn tay: Nắm nhẹ bàn tay và đặt trên trang giấy.  Bước 2: Dùng bút chì (hoặc bút màu) vẽ nét hình bàn tay trên trang giấy.  Bước 3: Nâng bàn tay khỏi giấy và vẽ thêm nét xoắn ốc làm rõ hình con ốc sên.  Bước 4: Vẽ màu theo ý thích cho hình con ốc sên và cắt khỏi trang giấy, sản phẩm đã hoàn thành.  + Tạo hình con cá, con hươu cao cổ: GV có thể tiếp tục thị phạm hoặc gợi mở HS các bước minh họa trong SGK.  - Gợi nhắc HS: Có nhiều cách tạo con vật từ các thế dáng bàn tay của mình.  3.2. Tổ chức HS thực hành  - Bố trí HS ngồi theo nhóm (6 HS)  - Giao nhiệm vụ cho HS: Tạo hình thế dáng bàn tay của mình. Vận dụng các bước thực hành để tạo con vật yêu thích bằng các chấm, nét, màu sắc.  - Lưu ý HS: Lựa chọn vị trí tạo hình dáng con vật phù hợp với khổ giấy/ vở bài tập. Có thể vẽ thêm chi tiết, hình ảnh như Mặt Trời, mây, sông nước, cây,..ở xung quanh con vật, tạo chủ đề bức tranh theo ý thích. Có thể tạo kết hợp nhiều hình bàn tay trên khổ giấy, tạo bức tranh bàn tay của riêng mình.  - Quan sát, hướng dẫn và có thể hỗ trợ HS thực hành  - Gợi mở nội dung HS trao đổi/ thảo luận trong thực hành.  **Hoạt động 3: Cảm nhận, chia sẻ**  - Hướng dẫn HS trưng bày sản phẩm.  - Gợi mở HS giới thiệu:  + Tên con vật đã tạo được từ tạo hình thế dáng bàn tay.  + Em đã làm thế nào để tạo sản phẩm của mình?  - Chia sẻ, cảm nhận về sản phẩm  **Hoạt động 4: Tổng kết tiết học**  - Nhận xét kết quả thực hành, ý thức học, chuẩn bị bài của HS, liên hệ bài học với thực tiễn.  - Gợi mở nội dung tiết 2 của bài học và hướng dẫn HS chuẩn bị.  **\*Kết thúc tiết học** | - Hát tập thể. Để đồ dùng lên bàn giáo viên kiểm tra.  - HS thi nhau kể.  - Lắng nghe, nhắc đề bài.  - Thảo luận nhóm theo các nội dung giáo viên hướng dẫn.  - Đại diện các nhóm HS trình bày. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  - Lắng nghe, quan sát.  - Quan sát, suy nghĩ và trả lời câu hỏi.  - Quan sát. Tham gia tương tác cùng GV.  - Vị trí ngồi thực hành theo cơ cấu nhóm: 6 HS  - Tạo sản phẩm cá nhân.  - Tập đặt câu hỏi cho bạn, trả lời, thảo luận, chia sẻ trong thực hành  - HS Chào giáo viên |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**: Không có điều chỉnh........................................

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Thời gian thực hiện**: **Thứ Hai** **ngày 14/11/2022**

**TNXH: NƠI EM SỐNG (tiết 3)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**\* Về nhận thức khoa học:**

- Giới thiệu được một cách đơn giản về quang cảnh làng xóm , đường phố và hoạt động của người dân nơi HS đang sống . của công việc đó cho xã hội .

- Nêu được một số công việc của người dân trong cộng đồng và đóng góp

- Nhận biết được bất kì công việc nào đem lại lợi ích cho cộng đồng đều đáng quý .

**\* Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:**

- Biết cách quan sát và cách đặt câu hỏi khi quan sát các hình trong bài học để phát hiện ra cảnh quan tự nhiên , vị trí của một số nơi quan trọng ở cộng đồng .

- Sử dụng được những từ phù hợp để mô tả nội dung của các hình trong bài học , qua đó nhận biết được các hoạt động sinh sống của người dân trong cộng đồng .

**\* Về vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:**

- Nêu và thực hiện được một số việc HS có thể làm để đóng góp cho cộng đồng địa phương .

- Bày tỏ được sự gắn bó, tình cảm của bản thân với làng xóm hoặc khu phố của mình .

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Các hình trong SGK .

- VBT Tự nhiên và Xã hội 1 ,

- Video clip bài hát Quê hương tươi đẹp ( dân ca Nùng ) .

- Yêu cầu HS sưu tầm một số hình ảnh về quang cảnh và hoạt động của người dân ở nơi sống của mình ( nếu có điều kiện ) .

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

**Tiết 3: Con người nơi em sống**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TG** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **HĐBT** |
|  | **1. Hoạt động khởi động**  - Ổn định - Hát  2. Hoạt động cơ bản  \* Hoạt động 1: Giới thiệu bài  **\* Hoạt động 2: Khám phá kiến thức mới**  **- Tìm hiểu về công việc của người dân và đóng góp của công việc đó cho cộng đồng nơi em sống**  ***\* Cách tiến hành***  *Bước 1 : Làm việc theo nhóm*  - GV yêu cầu HS quan sát hình và trả lời các câu hỏi trang 48 ( SGK ) .  ( 1 ) Nói tên công việc của những người trong các hình .  ( 2 ) Công việc của họ có đóng góp gì cho cộng đồng ?  ( 3 ) Hãy nói về công việc của những người trong gia đình và công việc của những người xung quanh em .  - GV theo dõi hướng dẫn HS  *Bước 2 : Làm việc cả lớp*  - Đại diện các nhóm trình bày kết quả làm việc trước lớp.  - GV cùng HS nhận xét, bổ sung câu trả lời.  - GV kết luận: Tất cả mọi công việc đem lại lợi ích cho cộng đồng đều quan trọng và đáng quý. Những người làm bác sĩ, làm công an hay thu gom rác hoặc bán hàng, làm GV hay nhân viên bảo vệ, ... đều là những người hỗ trợ, giúp đỡ cộng đồng nơi chúng ta sống để làm cho cuộc sống của chúng ta được khoẻ mạnh , an toàn , tiện lợi , sạch sẽ , vệ sinh và tốt đẹp hơn .  - Yêu cầu HS đọc lời nói của con ong trang 48 ( SGK )  **3. Hoạt động luyện tập và vận dụng**  **- Việc em có thể làm để đóng góp cho nơi sống của mình**  ***\* Cách tiến hành***  *Bước 1 : Làm việc theo cặp*  - GV yêu cầu HS quan sát hình trang 49 và trả lời câu hỏi trong SGK: Các bạn trong hình đã làm gì để đóng góp cho cộng đồng ?  - GV theo dõi hướng dẫn HS  *Bước 2 : Làm việc cả lớp*  - GV yêu cầu HS trình bày kết quả làm việc trước lớp .  - GV cùng HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời .  *Bước 3 : Làm việc cá nhân* .  - GV yêu cầu HS nghĩ ra ba việc em có thể làm để đóng góp cho nơi sống của mình và viết vào “ Bản cam kết ” theo mẫu ( Xem Phụ lục 3 ) .  - GV cùng HS tham gia nhận xét  **4. Hoạt động củng cố và nối tiếp.**  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS. | - Hát  - HS quan sát các hình ở trang 48 (SGK)trong SGK và thực tế trả lời các câu hỏi  - Các thành viên quan sát chia sẻ thống nhất trong nhóm.    - Đại diện một số nhóm trình bày kết quả làm việc trước lớp.  + Thầy ( hoặc cô giáo ) của em và những cán bộ công nhân viên trong trường giúp đỡ em trong học tập và các hoạt động khác ở trường.  + Có ( hoặc chú ) bác sĩ khám và chữa bệnh cho em khi em bị ốm.  + Cô (hoặc chủ) công an bắt kẻ trộm và bảo vệ chúng ta.  + Những người bán hàng , bán cho chúng ta những thứ mà chúng ta cần.  + Những người thợ xây, xây nhà cho chúng ta ở.  + Những cô, chú công nhân dọn vệ sinh môi trường giúp cho đường phố luôn sach sẽ.  + Những người nông dân trồng trọt, chăn nuôi cung cấp lương thực cho chúng ta.  - HS đọc  - HS từng cặp HS thảo luận chia sẻ, thống nhất.  - HS trình bày  - HS tham gia nhận xét  - HS thực hiện, HS sử dụng bút màu để trang trí bản cam kết của mình  - HS đem trưng bày bản cam kết của mình trước lớp. |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**: Không có điều chỉnh........................................

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Thời gian thực hiện**: **Thứ ba** **ngày 15/11/2022**

**Tiếng Việt uôm (2 tiết)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết vần **uôm;** đánh vần, đọc đúng tiếng có vần **uôm.**

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **uôm.**

- Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Quạ và chó.*

- Viết đúng các vần **uôm** và các tiểng **buồm,** (quả) **muỗm** (trên bảng con).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:** 4 thẻ viết từ ngữ ở BT đọc hiểu.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TG** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **HĐBT** |
|  | **1. Hoạt động khởi động**  Ổn định – Hát  **\* Ôn luyện**  - 1 HS đọc lại bài *Bà và Hà* (bài 52); HS trả lời câu hỏi: Em học được ở bạn Hà những đức tính gì?  2. Hoạt động cơ bản  \* Hoạt động 1: Giới thiệu bài  Hôm nay các em học vần **uôm**  **\* Hoạt động 2: Chia sẻ và khám phá**  - HS nhận biết: **uô, m;** đọc: **uôm.**  - Phân tích vần **uôm.**  - Đánh vần: **uô - mờ - uôm** */* **uôm.**  - HS nói: *buồm.*  - Phân tích tiếng **buồm.**  **-** Đánh vần: bờ - uôm - buôm - huyền - buồm / buồm.  - Đánh vần, đọc trơn: uô - mờ - uôm / bờ - uôm - buôm - huyền - buồm / buồm.  \* Củng cố: HS nói vần mới học: **uôm,** tiếng mới học: **buồm.**  **3. Hoạt động luyện tập**  **\* Hoạt động 1: Mở rộng vốn từ** (BT 2: Tiếng nào có vần **uôm?** Tiếng nào có vần **um?)**  - GV chỉ từng từ.  - Giải nghĩa: *quả muôm* (quả giống xoài nhưng nhỏ hơn, có vị chua); *sum họp* (tụ họp ở một chỗ một cách vui vẻ); *um tùm* (cây cối rậm rạp, dày đặc - *cây cối um tùm* trái nghĩa với *thưa thớt), nhuộm* (làm cho màu thấm đều vào vải và được giữ lại).  - HS tìm tiếng có vần *uôm,* vần *um.*  - GV chỉ từng tiếng, cả lớp đọc: Tiếng (quả) **muỗm** có vần **uôm...** Tiếng **sum** có vần **um,...**  - HS tìm tiếng ngoài bài có vần **uôm.**  **\* Hoạt động 2: Tập viết** (bảng con - BT 4)  - HS nhìn bảng đọc các vần, tiếng: *uôm, buồm, quả muôm.*  - 1 HS đọc, nói cách viết vần **uôm.**  - HS viết bảng con vần: *uôm (2* lần).  **\* Hoạt động 3: Tập đọc** (BT 3)  a) GV chỉ hình minh hoạ, hỏi: Quan sát tranh, các em thấy gì?  **-** GV: Quạ đang ngậm trong mỏ một khổ (miếng) mỡ to. Nó nhìn xuống một chú chó dưới mỏm đá. Chó nhìn quạ. Không rõ chúng nói với nhau những gì. Các em hãy lắng nghe câu chuyện.  b) GV đọc mẫu.  c) Luyện đọc từ ngữ: **mỏm đá, ngậm khổ mỡ, nghĩ kế, cuỗm, giả vờ, mê li lắm há to mỏ, bộp, nằm kề mõm chó, tợp.**  d) Luyện đọc câu  - Bài đọc có 9 câu.  - GV chỉ từng câu, yêu cầu HS đọc vỡ. Chỉ liền 2 câu: “A, ca sĩ ... mê li lắm”. / Quạ há to mỏ: Quà, quà...”  - Đọc tiếp nối từng câu (đọc liền 2 câu ngắn) (vài lượt).  e) Thi đọc tiếp nối 2 đoạn (5 câu / 4 câu); thi đọc cả bài.  g) Tìm hiểu bài đọc  - GV nêu YC; chỉ từng từ ngữ cho HS đọc.  - HS làm bài trong VBT. 1 HS làm bài nối ghép trên bảng lớp, đọc kết quả. Cả lớp đọc:  a - 2) *Quạ ngậm khổ mỡ ở mỏ.*  b - 1) *Chó nghĩ kế để quạ há mỏ ra.*  - Chó và quạ, ai khôn, ai ngốc?  **4. Hoạt động củng cố và nối tiếp**  - GV nhận xét đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương, học sinh  - Dặn về nhà làm BT  - Tập viết trên bảng con | - Hs đọc bài , trả lời câu hỏi  - HS lắng nghe  - HS đọc  - HS phân tích  - HS đánh vần  - HS nói  - HS phân tích  - HS đánh vần  - HS đánh vần, đọc trơn  - HS nói  - HS đọc  - HS lắng nghe  - HS tìm  - HS đọc  - HS tìm, nêu kết quả  - HS đọc  - HS lắng nghe  -HS viết ở bảng con  - Quạ đen đang ngậm một miếng mồi. Dưới mỏm đá có một chú chó đang nhìn lên quạ.  - Hs luyện đọc  - HS đọc  - HS đọc nối tiếp câu  - Thi đọc  - HS lắng nghe  - HS làm vào vở BT  - Chó khôn, quạ ngốc. Chó ở dưới đất mà lấy được miếng mỡ từ mỏ quạ ở trên cao. Quạ ngốc, ưa nịnh đã mắc mưu chó. |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**: Không có điều chỉnh........................................

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Thời gian thực hiện**: **Thứ ba** **ngày 15/11/2022**

**TẬP VIẾT**: **um, up, uôm**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Viết đúng **um, up, uôm, chum, búp bê, buồm, quả muỗm -** chữ thường, cỡ vừa, đúng kiểu, đều nét.

**II. ĐÔ DÙNG DẠY HỌC:**

**-** Bảng phụ viết các vần, tiếng cần luyện viết.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TG** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **HĐBT** |
|  | **1. Hoạt động khởi động**  - Ổn định – Hát  2. Hoạt động cơ bản  \* Giới thiệu bài  - Hôm nay các em viết vần um, up, uôm  **3. Hoạt động luyện tậ**p  **a)** Cả lớp đọc: *um, up, uôm, chum, búp bê, buồm, quả muỗm.*  **b)** Tập viết: *um, chum, up, búp bê.*  - 1 HS nhìn bảng, đọc; nói cách viết, độ cao các con chữ.  - GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn cách viết. Chú ý độ cao các con chữ, cách nối nét, để khoảng cách, vị trí đặt dấu thanh *(búp* bê).  - Cho HS viết trong vở *Luyện viết 1,* tập một.  **c)** Tập viết: *uôm, buồm, quả muỗm* (như mục 2). HS viết các vần, tiếng; hoàn thành phần *Luyện tập thêm.*  **4. Hoạt động củng cố và nối tiếp**  - Gv tuyên dương, khen thưởng những học sinh viết nhanh, viết đúng, viết đẹp.  - Nhắc nhở, động viên những học sinh chưa viết xong tiếp tục hoàn thành | - Hát  - HS đọc  - HS lắng nghe  - HS viết vào vở  - HS đọc  - HS lắng nghe  - HS viết vào vở |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**: Không có điều chỉnh........................................

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Thời gian thực hiện**: **Thứ ba** **ngày 15/11/2022**

**Đạo đức: CHĂM SÓC BẢN THÂN KHI BỊ ỐM (Tiết 2)**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

Học xong bài này, HS cần đạt được những yêu cầu sau:

* Nhận biết được các biểu hiện của cơ thể khi bị ốm.
* Nêu được vì sao cần tự chăm sóc bản thân khi bị ốm.
* Tự làm được những việc làm vừa sức để chăm sóc bản thân khi bị ốm.
* **\* Dạy HS khuyết tật:** **Nhận biết được các biểu hiện của cơ thể khi bị ốm.**

**II. Đồ dùng dạy học**:

- Giáo viên: Máy tính, ti vi, SGK điện tử

- Học sinh: Sách giáo khoa, VBT

**III. Các hoạt động dạy học.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TG** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **HĐBT** |
|  | **1. Hoạt động khởi động**  - Cho HS thi kể về các biểu hiện khi bị bệnh  - Gv đặt vài câu hỏi để dẫn dắt vào bài học  **2. Hoạt động luyện tập**  **\* Hoạt động 1: Đóng vai xử lí tình huống**  ***Cách tiến hành:***  - GV yêu cầu HS xem các tranh SGK và nêu tình huống xảy ra trong mỗi tranh.  - GV cho HS thảo luận theo nhóm để tìm cách ứng xử phù hợp trong mỗi tình huống và đóng vai thể hiện.  - GV mời một vài nhóm HS lên đóng vai.  + Em thích cách ứng xử của nhóm nào? Vì sao?  + Em có cách ứng xử nào khác trong tình huống đó không? Cách ứng xử đỏ là như thế nào?   * GV kết luận:   + Tình huống 1: Lan nên gọi điện thoại báo cho bố mẹ biết hoặc nhờ hàng xóm báo cho bố mẹ biết. Sau đó nằm nghỉ và lấy khăn ấm chườm.  + Tình huống 2: Lê nên nói cho cô giáo biết.  + Tình huống 3: Nam nên về nhà hoặc nhờ bạn đưa về nhà hoặc nhờ bạn chạy về báo cho bổ mẹ biết. Nếu đang chơi ở xa nhà, Nam nên tìm sự hồ trợ của những người lớn xung quanh.  **\* Hoạt động 2: Tự liên hệ**  ***Cách tiến hành:***  - GV yêu cầu HS tự liên hệ và chia sẻ theo nhóm đôi:  + Em đã biết tự chăm sóc bản thân khi bị ốm chưa?  + Em đã tự chăm sóc bản thân như thế nào?   * GV mời một vài HS chia sẻ trước lớp.   - GV khen những HS đã biết tự chăm sóc bản thân khi bị ốm và động viên các em tiếp tục phát huy.  **3. Hoạt động vận dụng**  ***Vận dụng trong giờ học:*** GV tổ chức cho HS thực hành chườm khăn ấm vào trán theo cặp hoặc theo nhóm.  ***Vận dụng sau giờ học:*** GV nhắc HS:  + Ghi và thuộc lòng số điện thoại của bố mẹ, thầy cô giáo để liên lạc khi bị ốm.  + Nghỉ ngơi, uống thuốc, điều trị theo hướng dẫn của bác sĩ và cha mẹ khi ốm, mệt.  **4. Hoạt động củng cố và nối tiếp**  - GV nhận xét tiết học  - Chuẩn bị tiết hôm sau: Chăm sóc bản thân khi bị ốm ( Tiết 3) | - HS thi kể trước lớp  - HS lắng nghe  - Một số HS nêu tình huống.  - HS làm việc theo nhóm.  - Các nhóm lên đóng vai  - HS trả lời  - HS thực hiện  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe | **\* Dạy HS khuyết tật:** **Nhận biết được các biểu hiện của cơ thể khi bị ốm.** |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**: Không có điều chỉnh........................................

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Thời gian thực hiện**: **Thứ tư** **ngày 16/11/2022**

Toán: PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 6 (tiết 2)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Biết cách tìm kết quả một phép trừ trong phạm vi 6.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép trừ trong phạm vi 6 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triến các NL toán học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Các que tính, các chấm tròn.

- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép trừ trong phạm vi 6.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TG** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **HĐBT** |
|  | 1. Hoạt động khởi động  - Ổn định - Hát  2. Hoạt động cơ bản  \*Giới thiệu bài  3. Hoạt động thực hành, luyện tập  **Bài 2.**  - Cá nhân HS tự làm bài 2: Tìm kết quả các phép trừ nêu trong bài (HS có thể dùng thao tác đếm lùi để tìm kết quả phép tính).  **Bài 3**  - Cho HS quan sát tranh, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe một tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp.  *Ví dụ:* Có 3 miếng bánh. Chú chuột ăn mất 1 miếng bánh. Hỏi còn lại mấy miếng bánh? Phép tính tương ứng là:  3 - 1 = 2.  - GV khuyến khích HS tập kể chuyện theo mỗi phép tính để thành một câu chuyện.  4. Hoạt động vận dụng  - HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 6.  5. Hoạt động củng cố và nối tiếp  - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  - Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 6 để hôm sau chia sẻ với các bạn. | - HS hát  - Lắng nghe  - HS làm bài  - HS quan sát tranh. Chia sẻ trước lớp.  - HS làm tương tự với các trường hợp còn lại.  - HS trình bày  - HS nêu  - HS trả lời |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**: Không có điều chỉnh........................................

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Thời gian thực hiện**: **Thứ tư** **ngày 16/11/2022**

**Tiếng Việt:**  **ươm - ươp (2 tiết)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết vần **ươm,** vàn **ươp;** đánh vần, đọc đủng tiếng có các vần **ươm, ưop.**

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **ươm,** vần **ưop.**

- Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Ủ ấm cho bà.*

- Viết đúng các vần **ươm, ươp;** các tiếng **bươm bướm, quả mướp** (trên bảng con).

**II. ĐÔ DÙNG DẠY HỌC:**

**-** 2 bộ đồ chơi để 2 nhóm thi giúp thỏ chuyển cà rốt về kho.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TG** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **HĐBT** |
|  | **1. Hoạt động khởi động**  - Ổn định – Hát  **\* Ôn luyện**  - 1 HS đọc bài *Quạ và chó* (bài 53); 1 HS trả lời câu hỏi: Chó đã nghĩ ra kế gì để lấy được miếng mỡ từ mỏ quạ?  2. Hoạt động cơ bản  \* Hoạt động 1: Giới thiệu bài  - Hôm nay các em học vần **ươm, ươp**  **\* Hoạt động 2: Chia sẻ và khám phá**  **a)** Dạy vần **ươm**  - HS nhận biết: **ươ - mờ - ươm.**  - Phân tích: vần **ươm** gồm âm **ươ** đứng trước, âm **m** đứng sau.  - Đánh vần: **ươ - mờ - ươm / ươm.**  - HS nói: *bươm bướm / bướm.* Phân tích tiếng **bướm.**  - Đánh vần: bờ - ươm - bươm - sắc - bướm / bướm.  - Đánh vần, đọc trơn: ươ - mờ - ươm / bờ - ươm - bươm / bờ - ươm - bươm - sắc - bướm / bươm bướm.  **b)** Dạy vần **ươp** (như vần **ươm)**  - Đánh vần, đọc trơn: ươ - pờ - ươp / mờ - ươp - mươp - sắc - mướp / quả mướp.  \* Củng cố: HS nói 2 vần mới học: **ươm, ươp,** 2 tiếng mới học: **bướm, mướp.**  **3. Hoạt động luyện tập**  **\* Hoạt động 1: Mở rộng vốn từ** (BT 2: Giúp thỏ đem cà rốt về hai nhà kho cho đúng)  - GV nêu YC: Giúp thỏ chuyển đúng cà rốt về kho vần **ươm,** kho vần **ươp.**  - GV chỉ từng củ cà rốt, HS đọc: *lượm, cườm,...*  - Giải nghĩa: *cườm* (hạt nhỏ làm bằng thuỷ tinh, đá,... màu sắc đẹp, xâu thành chuỗi để làm đồ trang sức).  - Cho HS làm bài trong VBT (dùng bút nối từng củ cà rốt về kho).  - GV gắn 2 bộ đồ chơi lên bảng lớp, mời 2 HS thi chuyển nhanh cà rốt về kho, nói kết quả. / (Có thể chiếu lên bảng nội dung BT, 1 HS nói kết quả, GV dùng kĩ thuật vi tính chuyển giúp từng củ cà rốt về kho).  - Cả lớp nhắc lại: Tiếng **lượm** có vần **ươm...** Tiếng **ướp** có vần **ươp...**  **\* Hoạt động 2: Tập viết** (bảng con - BT 4)  a) Chuẩn bị: Cho HS lấy bc  - Cả lớp nhìn bảng đọc các vần, tiếng vừa học: **ươm, ươp, bướm, mướp.**  b)Viết: **ươm, ươp**  - 1 HS đọc, nói cách viết vần **ươm.**  **-** GV viết mẫu, hướng dẫn: Viết **ươ** trước, **m** sau; các con chữ **ư, ơ, m** đều cao 2 li.  - Làm tương tự với vần **ươp.**  - HS viết bảng con: **ươm, ươp** (2 lần).  c) Viết: **bướm, mướp** (như mục b)  - GV vừa viết mẫu, vừa hướng dẫn. Chú ý: **bướm - b** cao 5 li, dấu sắc đặt trên **ơ / mướp - m** cao 2 li, **p** 4 li, dấu sắc đặt trên **ơ.**  - HS viết bảng con: **bươm bướm,** (quả) **mướp.**  **\* Hoạt động 3:Tập đọc** (BT 3)  a) GV chỉ hình, giới thiệu bài *Ủ ấm cho bà* nói về tình cảm bà cháu.  b) GV đọc mẫu.  c) Luyện đọc từ ngữ: **gió mùa, tấm nệm, tướp, ôm bà ngủ, thì thầm, bếp lửa, đỏ đượm.**  d) Luyện đọc câu  - Bài có 6 câu.  - GV chỉ từng câu cho HS đọc vỡ. Đọc liền 2 câu cuối.  - Luyện đọc tiếp nối từng câu (đọc liền 2 câu cuối) (cá nhân / từng cặp).  e) Thi đọc tiếp nối 2 đoạn (mỗi đoạn 3 câu); thi đọc cả bài.  g) Tìm hiểu bài đọc  - HS đọc từ ngữ ở mỗi vế câu. / HS làm bài trên VBT.  - 1 HS đọc kết quả (GV dùng phấn / kĩ thuật vi tính nối các ý trên bảng). / Cả lớp đọc:  a - 2) *Mẹ mua cho bà tấm nệm ấm.*  b - 1) *Mi ôm bà ngủ để ủ ấm cho bà.*  - Theo em, khi được cháu ôm, ủ ấm, bà cảm thấy thế nào?  - Em nghĩ gì về bạn Mi?  **4. Hoạt động củng cố và nối tiếp**  - GV nhận xét đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương, học sinh  - Dặn về nhà làm BT  - Tập viết trên bảng con | - Hs đọc bài, trả lời câu hỏi  - HS lắng nghe  - HS đọc  - HS phân tích  - HS đánh vần  - HS nói  - HS đánh vần  - HS đánh vần, đọc trơn  - HS thực hiện  - HS nói  - HS đọc  - HS lắng nghe  - HS đọc  - HS tìm, nêu kết quả  - HS đọc  - HS đọc  - HS lắng nghe  - HS viết ở bảng con  - HS viết ở bảng con  - HS lắng nghe  - HS luyện đọc từ ngữ  - HS luyện đọc câu  - HS thi đọc bài  - HS thực hiện làm bài trong vở BT  - HS đọc  - Bà cảm động vì cháu ngoan ngoãn, hiếu thảo, biết yêu thương bà.  - Bạn Mi rất yêu thương bà. / Mi rất ngoan, giàu tình cảm. / Mi rất ngoan ngoãn, hiếu thảo, nghĩ ra sáng kiến ủ ấm cho bà. |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**: Không có điều chỉnh........................................

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Thời gian thực hiện**: **Thứ tư** **ngày 16/11/2022**

**TNXH: THỰC HÀNH**

**QUAN SÁT CUỘC SỐNG XUNG QUANH TRƯỜNG**

**( tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**\* Về nhận thức khoa học:**

- Nhận ra được những địa điểm quen thuộc và các loại toà nhà, đường phố, ... xung quanh trường học.

- Giới thiệu được về hoạt động sinh sống và đi lại của người dân ở quanh trường bằng những hình thức khác nhau ( vẽ, viết, đóng vai, ... ).

- Nêu được những chuẩn bị cần thiết khi đi quan sát.

**\* Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:**

- Biết cách quan sát, ghi chép và trình bày kết quả quan sát.

**\* Về vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:**

- Định vị được mình đang đứng ở chỗ nào hoặc đang đi đến đâu ở cộng đồng xung quanh trường học .

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Các phiếu quan sát (theo SGK).

- Giấy A0, giấy màu, bút màu, băng keo, kéo.

- VBT Tự nhiên và Xã hội 1

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

**TIẾT 1**

**Chuẩn bị khi đi quan sát**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TG** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **HĐBT** |
|  | **1. Hoạt động khởi động**  - Ổn định:  - Giới thiệu bài: Bài học trước chúng ta đã tìm hiểu về quang cảnh và con người ở nơi em sống. Bài học hôm nay , chúng ta cùng nhau đi quan sát cuộc sống của người dân ở xung quanh trường chúng ta  2. Hoạt động cơ bản  \* Hoạt động 1: Giới thiệu bài  **\* Hoạt động 2: Khám phá kiến thức mới**  **- Tìm hiểu về những việc cần làm trước khi đi quan sát**  ***\* Cách tiến hành:***  *Bước 1 : Làm việc theo cặp*  - Yêu cầu HS quan sát hình trang 50 và trả lời câu hỏi trong SGK :  + Khi đi quan sát, các bạn trong hình mang theo những gì và trang phục như thế nào ?  *Bước 2 : Làm việc cả lớp*  - Yêu cầu HS trình bày kết quả làm việc trước lớp .  - GV cùng HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời .  *Bước 3 : Làm việc theo nhóm nhỏ ( 3 – 4 HS )*  - GV hướng dẫn HS.  - GV nhắc nhở HS không được ai tách khỏi nhóm trong quá trình tham quan  **3. Hoạt động củng cố và nối tiếp**  - GV nhận xét tiết học  - Dặn HS chuẩn bị theo sự phân công của nhóm để chuẩn bị cho tiết học sau | - Hát  - HS trả lời  ­- Lắng nghe  - HS quan sát  - HS chia sẻ thống nhất ý kiến, trả lời câu hỏi  - Đại diện trình bày kết quả  - HS nhận xét  - HS đọc phiếu quan sát, trao đổi về cách đánh dấu vào phiếu  - Nhóm trưởng phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng người |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**: Không có điều chỉnh........................................

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

**Thời gian thực hiện**: **Thứ năm** **ngày 17/11/2022**

Toán: LUYỆN TẬP

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Củng cố kĩ năng làm tính trừ trong phạm vi 6.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép trừ trong phạm vi 6 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển các NL toán học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Các que tính và các chấm tròn.

- Một số tình huống thực tế đơn giản có liên quan đến phép trừ trong phạm vi 6.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TG** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **HĐBT** |
|  | 1. Hoạt động khởi động  - GV hướng dẫn HS chơi trò chơi, chia sẻ trước lớp. Khuyến khích HS nói, diễn đạt bằng chính ngôn ngữ của các em.  2. Hoạt động cơ bản  \* Giới thiệu bài  3. Hoạt động thực hành, luyện tập  Bài 1  - Cho HS làm bài 1:  + Quan sát các thẻ chấm tròn. Đọc hiểu yêu cầu đề bài.  + Tìm kết quả các phép trừ nêu trong bài.  + Chọn số thích hợp đặt vào ô ?  - GV chốt lại cách làm, có thể làm mẫu 1 phép tính. Gọi một vài cặp HS chia sẻ cách tính nhẩm cho cả lớp nghe.  **Bài 2.**  **-** Cá nhân HS tự làm bài 2: Tìm kết quả các phép trừ nêu trong bài (HS có thể dùng thao tác đếm lùi để tìm kết quả phép tính).  ***Lưu ý:*** Ở bài này HS có thể tìm kết quả phép tính bằng nhiều cách khác nhau (có thể nhẩm, có thể dùng thanh chấm tròn, que tính, ngón tay,...), GV nên quan sát cách HS tìm ra kết quả phép tính hơn là chi chú ý đến kết quả của phép tính.  Bài 3  - Cho HS tự làm bài 3: Thực hiện tính trừ để tìm kết quả rồi chọn ổ có ghi số chỉ kết quả tương ứng.  ***Lưu ý:*** Có thể tổ chức thành trò chơi chọn thẻ “kết quả” để gắn với thẻ “phép tính” tương ứng.  Bài 4  - Cho HS quan sát tranh, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp.  *Vi dụ:* a) Trong bến có 6 xe ô tô. Có 3 xe ô tô rời khỏi bến. Còn bao nhiêu xe ô tô đang đậu trong bến? Thực hiện phép trừ 6 - 3 = 3. Còn 3 xe ô tô đang đậu trong bến.  - Vậy phép tính thích hợp là 6 - 3 = 3.  - GV khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em, khuyến khích HS trong lớp đặt thêm câu hỏi cho nhóm trình bày.  4. Hoạt động vận dụng  - Cho HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 6.  5. Hoạt động củng cố và nối tiếp  - Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 6 để hôm sau chia sẻ với các bạn. | - HS thực hiện các hoạt động sau  + Chơi trò chơi “Truyền điện” ôn tập phép trừ trong phạm vi 6.  + Chia sẻ: Cách trừ của mình; Để có thể tìm nhanh, chính xác kết quả phép tính cần lưu ý điều gì?  - HS đặt câu hỏi, nói cho nhau về tình huống đã cho và phép tính tương ứng.  - HS làm và nêu kết quả  - Thảo luận với bạn về chọn ổ có số chỉ kết quả thích hợp, lí giải bằng ngôn ngữ cá nhân. Chia sẻ trước lớp.  - HS quan sát tranh. Chia sẻ trước lớp.  - HS làm tương tự với trường hợp b).  **-** HS nêu |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**: Không có điều chỉnh........................................

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Thời gian thực hiện**: **Thứ năm** **ngày 17/11/2022**

**Tiếng Việt: an, at (2 tiết)**

**I.** **YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết van **an, at;** đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **an, at.**

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **an,** vần **at.**

- Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Giàn mướp.*

- Viết đúng các vần **an, at;** các tiếng **bàn,** (nhà) **hát** (trên bảng con).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TG** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **HĐBT** |
|  | **1. Hoạt động khởi động**  - Ổn định – Hát  **\* Ôn luyện**  - 2 HS đọc lại bài *Ủ ẩm cho bà* (bài 54).  2. Hoạt động cơ bản  \* Hoạt động 1: Giới thiệu bài  - Hôm nay các em học vần **an, at**  **\* Hoạt động 2: Chia sẻ và khám phá**  **a)** Dạy vần **an**  - HS đọc: **a, n,** vần **an.**  - Phân tích vần **an.**  - Đánh vần: **a - nờ - an / an.**  - HS nói: *bàn.*  - Phân tích tiếng **bàn. /**  - Đánh vần: bờ - an - ban - huyền - bàn / bàn. /  - Đánh vần, đọc trơn: a - nờ - an / bờ - an - ban - huyền - bàn / bàn.  b) Dạy vần **at** (như vần **an)**  - Đánh vần, đọc trơn: a - tờ - at / hờ - at - hat - sắc - hát / nhà hát.  \* Củng cố: HS nói 2 vần mới học: **an, at,** 2 tiếng mới học: **bàn, hát.**  **3. Hoạt động luyện tập**  **\* Hoạt động 1:Mở rộng vốn từ** (BT 2: Tiếng nào có vần **an**? Tiếng nào có vần **at**?)  - HS (cá nhân, cả lớp) đọc tên từng sự vật: nhãn, thợ hàn, bát, hạt đỗ,...  - HS làm bài nhóm đôi, tìm tiếng có vần an, vần at. / 2 HS cùng báo cáo kết quả.  - GV chỉ từng chữ, cả lớp: Tiếng nhãn có vần an... Tiếng bát có vần at,...  - HS nói thêm 3 - 4 tiếng ngoài bài có vần an (bán, đan, sàn, trán,...); vần at (cát, mát, ngát, nhạt,...).  **\* Hoạt động 2: Tập viết** (bảng con - BT 4)  a) HS đọc các vần, tiếng vừa học: an, at, bàn, nhà hát.  b) Tập viết vần an, at  - 1 HS đọc, nói cách viết vần an, at.  - GV viết mẫu từng vần, hướng dẫn: vần an: viết a nối sang n, độ cao các chữ đều 2 li. / Vần at: viết a nối sang t, chữ t cao 3 li.  - HS viết bảng con: an, at (2 - 3 lần).  c) Tập viết: bàn, (nhà) hát (như mục b).  - Chú ý: bàn - chữ b cao 5 li, dấu huyền đặt trên a / hát - chữ h cao 5 li, t cao 3 li, dấu sắc đặt trên a.  - HS viết bảng con: bàn, (nhà) hát.  - GV cùng Hs nhận xét  **\* Hoạt động 3: Tập đọc** (BT 3)  a) GV giới thiệu bài Tập đọc viết về giàn mướp nhà bạn Hà.  b) GV đọc mẫu.  c) Luyện đọc từ ngữ: **giàn mướp, thơm ngát, lắm hôm, đếm nụ, khe khẽ hát, tụ họp, sớm ra quả.**  d) Luyện đọc câu  - Bài đọc có 4 câu. GV chỉ chậm từng câu cho HS đọc vỡ (1 HS, cả lớp).  - Đọc tiếp nối từng câu (vài lần).  - GV hướng dẫn HS nghỉ hơi ở các câu: *Giàn mướp nhà Hà /vừa ra nụ đã thơm ngát. // Có lẽ nhờ thế /mà mùa hè năm đó, /giàn mướp sớm ra quả.*  e) Thi đọc tiếp nối 2 đoạn (mỗi đoạn 2 câu); thi đọc cả bài.  g) Tìm hiểu bài đọc  - GV nêu YC; cả lớp đọc từng ý.  - HS làm bài trong VBT, đánh dấu V vào ô trống xác định ý đúng, ý sai.  - 1 HS báo cáo kết quả, GV giúp HS đánh dấu xác định ý đúng / sai trên bảng lớp, chốt đáp án. Cả lớp đọc:  + Ý a *(Giàn mướp thơm ngát) -* Đúng.  + Ý b *(Hà khẽ hát cho giàn mướp nghe) -* Đúng.  + Ý c *(Năm đó, giàn mướp chậm ra quả) -* Sai.  \* HS đọc lại 2 trang bài 55, đọc cả 7 vần vừa học trong tuần (chân trang 102).  **4. Hoạt động củng cố và nối tiếp**  - GV nhận xét đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương, học sinh  - Dặn về nhà làm BT  - Tập viết trên bảng con | - Hs đọc bài , trả lời câu hỏi  - HS lắng nghe  - HS đọc  - HS phân tích  - HS đánh vần  - HS nói  - HS phân tích  - HS đánh vần  - HS đánh vần, đọc trơn  - HS thực hiện  - HS nói  - HS đọc  - HS làm bài, báo cáo kết quả  - HS lắng nghe  - HS tìm, nêu kết quả  - HS đọc  - HS lắng nghe  - HS viết ở bảng con  - HS viết ở bảng con  - HS lắng nghe  - HS luyện đọc từ ngữ  - HS luyện đọc câu  - HS thi đọc bài  - HS thực hiện làm bài trong vở BT  - HS đọc |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**: Không có điều chỉnh........................................

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Thời gian thực hiện**: **Thứ năm** **ngày 17/11/2022**

**HĐTN: GIỜ HỌC, GIỜ CHƠI**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

Sau hoạt động, HS có khả năng:

- Nhận biết được những việc nên làm vào giờ học, những việc nên làm vào giờ chơi và thực hiện những việc làm đó.

- Có kĩ năng tự điều chỉnh hành vi của bản thân khi tham gia các hoạt động học tập, sinh hoạt hằng ngày một cách khoa học, hợp lí để bảo vệ sức khoẻ**.**

**II. Đồ dùng dạy học:**

- Tranh ảnh minh hoạ cho bài học.

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TG** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **HĐBT** |
|  | **1. Hoạt động khởi động**  - Ổn định, hát  2. Hoạt động cơ bản  \* Hoạt động 1: Giới thiệu bài  **\* Hoạt động 2: Các hoạt động chủ yếu.**  **- Đóng vai**  ***\* Cách tiến hành:***  - GV cho HS thảo luận nhóm 4. Mỗi nhóm sẽ quan sát tranh một tình huống và đóng vai thể hiện cách xử lí phù hợp.  - HS thảo luận tình huống và tham gia đóng vai theo nhóm.  - Cho một số nhóm đóng vai trước lớp.  - GV cùng HS nhận xét  ***\*GV kết luận.***  - Các em cần thực hiện học tập và vui chơi điều độ, đúng giờ và đúng lúc để đảm bảo sức khoẻ và mang lại kết quả học tập tốt hơn.  **3. Hoạt động luyện tập và vận dụng.**  **\* Hoạt động 1: Liên hệ và chia sẻ về những việc em nên làm trong giờ học, giờ chơi.**  ***\* Cách tiến hành :***  - GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi theo các câu hỏi:  + Hằng ngày, em được tham gia những hoạt động học tập và vui chơi nào?  +Em thường làm gì trong giờ học?  + Em tham gia những hoạt động vui chơi nào trong giờ nghỉ?  - Cho HS thảo luận cặp đôi.  - Mời 2 đến 3 cặp HS trình bày trước lớp.  - GV và HS cùng nhận xét  ***\* Kết luận:***  - Trong giờ học, em cần hăng hái phát biểu, tham gia xây dựng bài; cùng hợp tác với các bạn trong các hoạt động nhóm, giúp đỡ bạn học tập để cùng tiến bộ. Những lúc nghỉ, em nên tham gia các hoạt động ngoài trời để cùng các bạn và người thân rèn luyện sức khoẻ.  **\* Hoạt động 2: Trò chơi “Giờ nào, việc nấy”**  ***\* Cách tiến hành***  - GV cho HS đứng thành vòng tròn, GV đứng giữa làm quản trò.  - GV hướng dẫn cách chơi:  - Cho HS chơi trò chơi.  *\* Kết luận:*  - Mỗi bạn sẽ có những sở thích, thói quen vui chơi, thư giãn khác nhau: phải làm những việc nhà khác nhau. Các em chú ý sắp xếp các hoạt động đó với việc học tập. vào những thời gian phù hợp.  **4. Hoạt động củng cố và nối tiếp**  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.  - Về nhà chia sẻ với người thân về những viêc nên làm vào giờ học, vào giờ chơi. | - Hát  - Chia lớp theo nhóm bàn.  - Theo dõi, quan sát  - Các nhóm thảo luận  - Lần lượt các nhóm lên đóng vai, xử lí tình huống.  - HS nhận xét nhóm bạn  - Lắng nghe để nắm được nội dung thảo luận.  - HS thảo luận cặp đôi.  - 2 đến 3 cặp HS trình bày trước lớp  - Nhận xét nhóm bạn.  - Lắng nghe, ghi nhớ  - HS tập hợp thành vòng tròn.  - Lắng nghe và làm theo.  - HS tham gia trò chơi.  **-** HS lắng nghe |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**: Không có điều chỉnh........................................

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Thời gian thực hiện**: **Thứ sáu** **ngày 18/11/2022**

**TẬP VIẾT: ươm, ươp, an, at**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Viết đúng **ươm, ươp, an, at, bươm bướm, quả mướp, bàn, nhà hát -** chữ thường, cỡ vừa, đúng kiểu, đều nét.

**II. ĐÔ DÙNG DẠY HỌC:**

**-** Bảng phụ có dòng ô li viết vần, tiếng cần viết.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TG** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **HĐBT** |
|  | **1. Hoạt động khởi động**  - Ổn định – Hát  2. Hoạt động cơ bản  \* Giới thiệu bài  - Hôm nay các em viết **ươm, ươp, an, at**  **3. Hoạt động luyện tập**  a) Cả lớp đọc: ươm, bươm bướm, ươp, quả mướp, an, bàn, at, nhà hát.  b) Tập viết: ươm, bươm bướm, ươp, quả mướp.  - 1 HS nhìn bảng, đọc; nói cách viết, độ cao các con chữ.  - GV vừa viết mẫu vừa nhắc lại cách viết. Chú ý độ cao các con chữ, cách noi nét, để khoảng cách, vị trí đặt dấu thanh (bướm, mướp).  - HS viết trong vở Luyện viết 1, tập một.  c) Tập viết: un, bàn, at, nhà hát (như mục b) HS hoàn thành phần Luyện tập thêm.  - GV cùng Hs nhận xét  **4. Hoạt động củng cố và nối tiếp**  - Gv tuyên dương, khen thưởng những học sinh viết nhanh, viết đúng, viết đẹp.  - Nhắc nhở, động viên những học sinh chưa viết xong tiếp tục hoàn thành | - Hs đọc  - HS lắng nghe  - HS đọc  - HS lắng nghe  - HS viết vào vở |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**: Không có điều chỉnh........................................

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Thời gian thực hiện**: **Thứ năm** **ngày 17/11/2022**

**KỂ CHUYỆN****: SÓI VÀ SÓC**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nghe hiểu câu chuyện.

- Nhìn tranh, nghe GV hỏi, trả lời được từng câu hỏi theo tranh.

- Nhìn tranh, có thể kể từng đoạn của câu chuyện.

- Hiểu ý nghĩa câu chuyện: Khen ngợi sóc trong lúc nguy hiểm vẫn biết cách thoát khỏi nanh vuốt của sói. Câu chuyện nói một điều: Lòng tốt làm con người vui vẻ; sự độc ác không mang lại hạnh phúc, niềm vui.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy chiếu hoặc tranh minh hoạ truyện phóng to.

- Có thể chuẩn bị mũ giấy hình sóc hoặc sói để 3 HS (vai sóc, sói, người dẫn chuyện) kể chuyện phân vai (YC không bắt buộc).

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TG** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **HĐBT** |
|  | **1. Hoạt động khởi động**  - Ổn định – Hát  **\* Ôn luyện**  - GV chỉ 2 tranh minh hoạ truyện *Vịt và sơn ca* (bài 50), nêu câu hỏi, mời HS 1 trả lời. HS 2 trả lời câu hỏi theo tranh 3, 4, 5.  2. Hoạt động cơ bản  \* Hoạt động 1: Giới thiệu bài  - Hôm nay các em nghe kể câu chuyện: Sói và sóc  **\* Hoạt động 2: Quan sát và phỏng đoán:**  **-** GV chỉ tranh, giới thiệu câu chuyện *Sói và sóc.* Các em hãy xem tranh, đoán xem sói và sóc đang làm gì?  **a) Giới thiệu câu chuyện:** Một chú sóc đang chuyền cành thì sẩy chân rơi trúng đầu con sói đang nằm dưới gốc cây. Việc gì sẽ xảy ra sau đó, câu chuyện diễn biến thế nào, các em hãy lắng nghe.  **b) Nghe kể chuyện: GV** kể chuyện **3 lần** với giọng diễn cảm.  **3. Hoạt động luyện tập**  **a)Trả lời câu hỏi theo tranh**  - Mỗi HS trả lời câu hỏi theo 1 tranh  - GV chỉ tranh 1, hỏi: *Điều gì xảy ra khi sóc đang chuyền trên cành cây?*  GV chỉ tranh 2:  *- Sói định làm gì sóc? Sóc van nài thế nào?*  GV chỉ tranh 3:  - *Sói hỏi sóc điều gì? Sóc nói gì?*  GV chỉ tranh 4:  - *Ở trên cây, sóc trả lời sói thế nào?*  - Mỗi HS trả lời liền các câu hỏi của GV theo 2 tranh.  - 1 HS trả lời tất cả các câu hỏi theo 4 tranh.  **c) Kể chuyện theo tranh** (GV không nêu câu hỏi)  - Mỗi HS nhìn 2 tranh, tự kể chuyện.  - 1 - 2 HS tự kể toàn bộ câu chuyện theo 4 tranh.  d) **Tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện**  - GV: Em nhận xét gì về sóc?  - GV: Câu chuyện giúp các em hiểu điều gì?  **4. Hoạt động củng cố và nối tiếp**  - GV biểu dương những HS kể chuyện hay. Dặn HS về nhà kể lại cho người thân câu chuyện về chú sóc thông minh.  - Nhắc HS chuẩn bị cho tiết KC Sư tử và chuột nhắt. (Báo cho 3 HS giỏi được chọn kể phân vai câu chuyện Sư tử và chuột nhắt để các em có sự chuẩn bị). | - Hs đọc bài, trả lời câu hỏi  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe  - Sói bắt sóc. / Sóc thoát khỏi sói  - HS lắng nghe  - Sóc đang chuyền trên cành cây bỗng sẩy chân, rơi trúng đầu lão sói đang nằm dưới gốc cây, ngái ngủ.  - Sói định ăn thịt sóc. Sóc van nài xin thả nó ra.  - Sói hỏi: Vì sao bọn sóc các ngươi lúc nào cũng nhảy nhót vui vẻ, còn ta, lúc nào cũng thấy buồn chán? Sóc đáp: Cứ thả tôi ra đã, rồi tôi sẽ nói.  - Sóc nói: Anh buồn vì anh độc ác. Sự độc ác thiêu đốt tim gan anh. Còn chúng tôi lúc nào cũng vui vì chúng tôi tốt bụng, không làm điều ác cho ai cả.  - HS theo tranh trả lời câu hỏi  - Hs kể theo tranh  - Sóc rất thông minh, gặp tình huống nguy hiểm vẫn biết cách thoát thận. / Sóc tốt bụng, đáng yêu. / Sóc tốt bụng nên luôn vui vẻ.  - Lòng tốt làm con người vui vẻ, hạnh phúc. Sự độc ác không mang lại niềm vui, hạnh phúc. |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**: Không có điều chỉnh........................................

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Thời gian thực hiện**: **Thứ sáu** **ngày 18/11/2022**

**Tiếng Việt: ÔN TẬP**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Tám cổ kẻ trộm.*

- Tìm đúng từ ngữ thích hợp với chỗ trống; chép đúng 1 câu văn.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:** Máy chiếu / Giấy khổ to viết nội dung BT 2.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TG** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **HĐBT** |
|  | **1. Hoạt động khởi động**  - Ổn định – Hát  2. Hoạt động cơ bản  \* Giới thiệu bài  - Hôm nay các em học bài ôn tập  **3. Hoạt động luyện tập**  **\* Hoạt động 1: Tập đọc**  a) GV chỉ tranh, giới thiệu bài *Tóm cổ kẻ trộm* kể về chiến công của thám tử gà cồ đã bắt được quạ - kẻ trộm gà.  b) GV đọc mẫu. Giải nghĩa từ: *gà mơ* (gà mái, lông có những chấm trắng); *than* (than thở, phàn nàn, kêu ca); *thám tử* (người làm việc điều tra, do thám).  c) Luyện đọc từ ngữ (cá nhân, cả lớp); **kẻ trộm, ghé xóm gà, ngờ ngợ, la om sòm, cuỗm, thám tử gà cồ, tóm cổ, ồ ra.**  d) Luyện đọc câu  - Bài đọc gồm 9 câu.  - GV chỉ chậm từng câu cho HS đọc vỡ (1 HS, cả lớp).  - Chỉ liền 2 câu: *Sớm ra, gà tía... Có trộm!*  - Đọc tiếp nối từng câu (đọc liền 2 câu ngắn) (cá nhân, từng cặp).  e) Thi đọc tiếp nối 3 đoạn (mỗi lần xuống dòng là 1 đoạn); thi đọc cả bài.  g) Tìm hiểu bài đọc  - Xác định YC: *Nhắc lại tên các con vật...*  - Từng cặp HS nhìn hình trong SGK, nói tên các con vật. /1 HS nói kết quả.  - Cả lớp nhắc lại: 1) M: gà cồ, 2) quạ, 3) gà tía, 4) gà nhép, 5) gà mơ.  **\* Hoạt động 2: BT 2** (Tìm từ ngữ hợp với chỗ trống rồi chép lại câu b)  - Tìm từ ngữ để hoàn thành câu  - Xác định YC.  - HS làm bài miệng: GV gắn lên bảng phiếu ghi câu văn. /1 HS nói kết quả.  Cả lớp đọc lại:  a - Quạ kiếm cớ la cà để *cuỗm/tha* gà nhép.  b - Thám tử gà cồ *tóm cổ* quạ. / Cả lớp sửa bài (nếu sai).  **\* Hoạt động 3:** Tập chép câu b *(Thám tử gà cồ tóm cổ*  *quạ).*  - GV viết mẫu trên bảng câu văn.  - Cả lớp đọc câu văn, chú ý các từ dễ viết sai *(thám tử, tóm).*  - HS nhìn mẫu trên bảng, chép lại câu văn.  - HS viết xong, tự soát lỗi; đổi bài cho bạn để cùng sửa lỗi.  - GV chữa bài cho HS, nhận xét chung  **4. Hoạt động củng cố và nối tiếp**  - GV nhận xét đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương, học sinh  - Dặn về nhà làm BT  - Tập viết trên bảng con | - Hs đọc bài, trả lời câu hỏi  - HS lắng nghe  - HS luyện đọc từ ngữ  - HS luyện đọc câu  - HS thi đọc bài  - HS nói tên các con vật  - HS đọc  - HS lắng nghe  - HS nêu miệng  - HS đọc  - HS theo dõi  - HS đọc  - HS tập chép  - HS soát lỗi |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**: Không có điều chỉnh........................................

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Thời gian thực hiện**: **Thứ sáu** **ngày 18/11/2022**

**HĐTN + SHL: SÁNG TẠO THEO CHỦ ĐỀ “THẦY CÔ CỦA EM”**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

Sau hoạt động, HS có khả năng:

- Hiểu được ý nghĩa của ngày Nhà giáo Việt Nam 20 – 11, biết được một số việc làm cụ thể để tỏ lòng biết ơn thầy cô.

- Sáng tạo được một sản phẩm cụ thể như: làm bưu thiếp, vẽ tranh, viết lời hay ý đẹp tặng thầy cô nhân ngày Nhà giáo Việt Nam 20 - 11.

- Hình thành niềm đam mê sáng tạo.

**II. Đồ dùng dạy học:**

- Kết quả học tập, rèn luyện của cả lớp trong tuần

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TG** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **HĐBT** |
|  | **1.Ổn định: Hát**  **2. Các bước sinh hoạt:**  **2.1. Nhận xét trong tuần 11**  - GV yêu cầu các trưởng ban báo cáo:  *+Đi học chuyên cần:*  *+ Tác phong , đồng phục .*  *+ Chuẩn bị bài,* *đồ dùng học tập*  *+ Vệ sinh.*  - GV nhận xét qua 1 tuần học:  *\* Tuyên dương:*  - GV tuyên dương cá nhân và tập thể có thành tích.  *\* Nhắc nhở:*  - GV nhắc nhở những tồn tại hạn chế của lớp trong tuần.  ***2.2.Phương hướng tuần 12***  - Thực hiện dạy tuần 12, GV bám sát kế hoạch chủ nhiệm thực hiện.  *-* Tiếp tục thực hiện nội quy HS, thực hiện ATGT, ATVSTP.  - Thực hiện tốt các phong trào lớp, trường, triển khai chủ điểm mới.  ***2.3. Thầy cô của em.***  - GV tổ chức cho HS chia sẻ về các ý tưởng sáng tạo một sản phẩm ý nghĩa để tặng thầy cô theo gợi ý:  +Em sẽ làm món quà gì để tặng thầy cô nhân ngày Nhà giáo Việt Nam 20 -11? +Ý nghĩa của món quà đó là gì?  - GV tổ chức cho HS sử dụng các đồ dùng, vật liệu đã chuẩn bị để làm sản phẩm yêu thích tặng thầy cô.  - Giới thiệu sản phẩm em đã làm với các bạn trong lớp.) | - Các trưởng ban, phó ban, phụ trách các hoạt động của ban mình tổng hợp kết quả theo dõi trong tuần.  - Lắng nghe để thực hiện.  - Lắng nghe để thực hiện.  - Lắng nghe để thực hiện.  - HS lắng nghe. Chuẩn bị ý tưởng của mình.  - Thực hiện làm sản phẩm của mình.  - HS lên giới thiệu sản phẩm của mình. |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**: Không có điều chỉnh........................................

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**Thời gian thực hiện: Thứ Tư ngày 17/11/2021**

**Môn: Toán**

Bài: PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 6 (tiết 2)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Biết cách tìm kết quả một phép trừ trong phạm vi 6.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép trừ trong phạm vi 6 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triến các NL toán học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Các que tính, các chấm tròn.

- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép trừ trong phạm vi 6.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
|  | 1. Hoạt động khởi động  - Ổn định - Hát  2. Hoạt động cơ bản  \*Giới thiệu bài  3. Hoạt động thực hành, luyện tập  **Bài 2.**  - Cá nhân HS tự làm bài 2: Tìm kết quả các phép trừ nêu trong bài (HS có thể dùng thao tác đếm lùi để tìm kết quả phép tính).  **Bài 3**  - Cho HS quan sát tranh, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe một tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp.  *Ví dụ:* Có 3 miếng bánh. Chú chuột ăn mất 1 miếng bánh. Hỏi còn lại mấy miếng bánh? Phép tính tương ứng là:  3 - 1 = 2.  - GV khuyến khích HS tập kể chuyện theo mỗi phép tính để thành một câu chuyện.  4. Hoạt động vận dụng  - HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 6.  5. Hoạt động củng cố và nối tiếp  - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  - Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 6 để hôm sau chia sẻ với các bạn. | - HS hát  - Lắng nghe  - HS làm bài  - HS quan sát tranh. Chia sẻ trước lớp.  - HS làm tương tự với các trường hợp còn lại.  - HS trình bày  - HS nêu  - HS trả lời |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**: Không có điều chỉnh........................................

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*